

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2017, trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2017, trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2017, trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 01/TTr-SGTVA ngày 08/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2017 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung

TT	Loại đường	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)
		Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Điều chỉnh, bổ sung	
1	A	27,705	17,967	3.952,740
2	B	298,772	266,742	45.346,140
3	C	152,631	134,178	14.759,580
4	D	211,027	212,8	19.152,000
Tổng cộng		690,135	631,687	83.210,460

Trong đó, chi tiết từng loại đường gồm có:

a. Đường GTNT loại A:

TT	Địa phương	Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	1,972	0,172	37,840	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	7,430	-	-	Điều chỉnh giảm
3	Hoài Ân	9,178	8,828	1.942,160	Điều chỉnh giảm
4	Phù Mỹ	6,059	4,059	892,980	Điều chỉnh giảm
5	Phù Cát	0,643	0,643	141,460	Giữ nguyên
6	Tây Sơn	0,830	0,830	182,600	Giữ nguyên
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	-	-	-	Giữ nguyên
9	Tuy Phước	1,226	3,076	676,720	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	0,080	0,072	15,840	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	0,287	0,287	63,140	Giữ nguyên
Tổng cộng		27,705	17,967	3.952,740	

b. Đường GTNT loại B:

TT	Địa phương	Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	45,307	39,395	6.697,150	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	11,807	7,068	1.201,560	Điều chỉnh giảm
3	Hoài Ân	12,130	12,405	2.108,850	Điều chỉnh tăng
4	Phù Mỹ	29,879	29,914	5.085,380	Điều chỉnh tăng
5	Phù Cát	43,341	40,324	6.855,080	Điều chỉnh giảm
6	Tây Sơn	35,216	35,203	5.984,510	Điều chỉnh giảm
7	Vĩnh Thạnh	21,829	21,829	3.710,930	Giữ nguyên
8	An Nhơn	87,304	71,415	12.140,550	Điều chỉnh giảm
9	Tuy Phước	5,108	4,817	818,890	Điều chỉnh giảm
10	Vân Canh	5,215	2,736	465,120	Điều chỉnh giảm
11	Quy Nhơn	1,636	1,636	278,120	Giữ nguyên
Tổng cộng		298,772	266,742	45.346,140	

c. Đường GTNT loại C:

TT	Địa phương	Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	16,703	13,728	1.510,080	Điều chỉnh giảm
2	An Lão	0,400	0,806	88,660	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	9,076	6,876	756,360	Điều chỉnh giảm
4	Phù Mỹ	37,844	29,959	3.295,490	Điều chỉnh giảm
5	Phù Cát	31,445	25,792	2.837,120	Điều chỉnh giảm
6	Tây Sơn	25,231	25,231	2.775,410	Giữ nguyên
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	11,928	10,404	1.144,440	Điều chỉnh giảm
9	Tuy Phước	19,203	20,581	2.263,910	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	-	-	-	Giữ nguyên
11	Quy Nhơn	0,801	0,801	88,110	Giữ nguyên
Tổng cộng		152,631	134,178	14.759,580	

d. Đường GTNT loại D:

TT	Địa phương	Theo Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của CT UBND tỉnh (Km)	Điều chỉnh, bổ sung (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	Hoài Nhơn	26,493	32,387	2.914,830	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	0,996	1,249	112,410	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	26,069	29,515	2.656,350	Điều chỉnh tăng
4	Phù Mỹ	24,308	23,858	2.147,220	Điều chỉnh giảm
5	Phù Cát	31,912	23,709	2.133,810	Điều chỉnh giảm
6	Tây Sơn	45,467	45,467	4.092,030	Giữ nguyên
7	Vĩnh Thạnh	-	-	-	Giữ nguyên
8	An Nhơn	11,138	11,330	1.019,700	Điều chỉnh tăng
9	Tuy Phước	43,873	44,212	3.979,080	Điều chỉnh tăng
10	Vân Canh	0,771	1,073	96,570	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	-	-	-	Giữ nguyên
Tổng cộng		211,027	212,800	19.152,000	

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo).

(Chữ ký)

2. Gia hạn thời gian thực hiện Chương trình bê tông hoá đường giao thông nông thôn năm 2017 trên địa bàn tỉnh đến hết Quý I năm 2018.

3. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung trong Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 và Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 và Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Phan Cao Thắng